

Số:108 /2018/QĐST- HNGĐ

Cẩm X, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 117/2018/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn: Anh Chu Văn S, sinh năm 1985**

Trú quán: Thôn 1, xã Cẩm Ph, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

*** Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1986.**

Trú quán: Thôn 1, xã Cẩm Ph, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc các đ-ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ-ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ-ơng sự đ-ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ-ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Chu Văn S và chị Trần Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Về con cái: Anh Chu Văn S và chị Trần Thị S xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Chu Thị Khánh H (Nữ), sinh ngày 05/12/2005; cháu Chu Văn Tr (Nam), sinh ngày 18/09/2009

Ghi nhận sự thoả thuận của anh S, chị S như sau: Giao cháu Chu Thị Khánh H (Nữ), sinh ngày 05/12/2005 và cháu Chu Văn Tr (Nam), sinh ngày 18/09/2009 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho

đến khi cháu Huyền và cháu Tr tròn 18 tuổi. Anh Chu Văn S có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Chu Văn Tr mỗi tháng 1.000.000đ. Anh Chu Văn S có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

* Về tài sản: Anh Chu Văn S và chị Trần Thị S xác nhận, trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ: Anh Chu Văn S và chị Trần Thị S xác nhận đến thời điểm hiện nay vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* Về án phí: Anh Chu Văn S và chị Trần Thị S thỏa thuận anh Sơn có nghĩa vụ nộp 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm X, tỉnh Hà T theo biên lai số 0000800 ngày 01/10/2018. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con anh S đã nộp đầy đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà T
- VKSND huyện CX
- Chi cục T.HADS huyện CX
- UBND xã Cẩm Ph, để xóa tên trong sổ kết hôn.
- Các đ-ơng sự
- L- u HS, án văn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN

Thẩm phán

Trần Thị MT